

Số: 1464/QĐ-UBND

An Khánh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ Mẫu giáo theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND
Thành phố Hải Phòng (Kỳ I - năm học 2025-2026)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 06/10/2021 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Văn hoá - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh, giáo viên được hưởng kinh phí hỗ trợ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (Kỳ I - năm học 2025-2026) cụ thể như sau:

- Danh sách trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp tại các lớp Mầm non độc lập tự thực: 42.000.000 đồng;

- Danh sách giáo viên dạy con công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp tại các lớp Mầm non độc lập tự thực: 56.000.000 đồng;

- Danh sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi cho Mầm non công lập: 2.120.000 đồng.

Tổng cộng: 100.120.000 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao phòng Văn hoá - Xã hội, phòng Kinh tế, Phòng Giao dịch số 4- Kho bạc nhà nước khu vực III hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện theo đúng quy định.

- Các trường Mầm non; các lớp mầm non độc lập trên địa bàn xã thực hiện hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ kinh phí cho học sinh, giáo viên dạy học sinh có cha hoặc mẹ đang làm việc tại cụm công nghiệp, khu chế xuất theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội; các trường Mầm non, Chủ các lớp mầm non độc lập; Phòng Giao dịch số 4- Kho bạc nhà nước khu vực III và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thùy

TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA CHO TRẺ 3, 4, 5 TUỔI (KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026)

(Kèm theo QĐ số : 1464/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã An Khánh)

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Họ và tên	Xã hải đảo và khó khăn				Mồ côi cha, mẹ; không nơi nương tựa; tàn tật khó khăn về kinh tế				Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo				Cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo				Con liệt sĩ, con anh hùng LLVTND, con thương binh				Tổng số đối tượng				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
		Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21=22+23+24	22	23	24	25	26	27=21*25*26	28
1	MN Mỹ Đức									1	1											1	1			160	1	160	Tháng 9/2025
																										360	2	720	
2	MN Thái Sơn													1	1							1	1			160	1	160	Tháng 9/2025
																										360	3	1,080	
	Tổng cộng									1	1			1	1							2	2					2 120	



DANH SÁCH HỌC SINH

Được hưởng hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ

Kì I năm học 2025 - 2026

(Kèm theo QĐ số : 1464/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã An Khánh)

đvt: 1000đồng

TT	Họ tên học sinh	Trường MN	Đối tượng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2025 - 2026
1	Lại Xuân Trường	MN Mỹ Đức	Hộ nghèo	160	1	160
				360	2	720
2	Lò Phương Thảo	MN Thái Sơn	Hộ cận nghèo	160	1	160
				360	3	1080
	Cộng					2,120

Danh sách: 02 người



TỔNG HỢP DANH SÁCH TRẺ EM - GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HƯỞNG
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH 277/2025/NĐ-CP
(HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026)

(Kèm theo QĐ số:1464/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã An Khánh)

STT	Tên cơ sở GDMN	Số tháng được hưởng	Số trẻ được hưởng CĐCS (150.000đ /c/th)	Thành tiền	Số giáo viên được hưởng chính sách (1.000.000 đ/cô/th)	Thành tiền	Tổng số tiền
1	Lớp MNĐLTom and Jerry	4	5	3,000	1	4,000	7,000
2	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	4	25	15,000	6	24,000	39,000
3	Lớp MNĐL Hoa Sen	4	16	9,600	2	8,000	17,600
4	Lớp MNĐL Bảo Ngọc 2	4	24	14,400	5	20,000	34,400
	Tổng cộng		70	42,000	14	56,000	98,000



**DANH SÁCH TRẺ EM MÀM NON LÀ CON CÔNG NHÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ
CẤP THEO NĐ 105/2020/NĐ-CP (KÌ I NĂM HỌC 2025-2026)**

(Kèm theo QĐ số: 1464/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã An Khánh)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp, nhóm lớp	Họ và tên bố (hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ) là công nhân, NLĐ đang làm việc tại các khu công nghiệp được DN ký HĐLĐ theo quy	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng g	Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ	Là học sinh của cơ sở nhóm lớp tự thực	Ghi chú
	Lớp MN Độc lập tự thực						42,000		
1	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry						3,000		
1	Nguyễn Ngọc Hà My	6/4/2024	lớp ghép	Nguyễn Phú Đạt	150	4	600	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry	
2	Nguyễn Gia Bảo	19/10/2022	lớp ghép	Nguyễn Đức Trung	150	4	600	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry	
3	Lê Nguyễn Khánh Vy	28/4/2024	lớp ghép	Nguyễn Thị Huyền	150	4	600	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry	
4	Nguyễn Bảo Nam	2/3/2023	lớp ghép	Nguyễn Thanh Phong	150	4	600	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry	
5	Phùng Bảo Nam	2/22/2023	lớp ghép	Nguyễn Thị Hải Yến	150	4	600	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry	
2	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức						15,000		
1	Vũ Thanh Tâm	10/13/2020	5 tuổi	Bùi Thị Chinh	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
2	Lưu Thị Hải Bình	4/29/2020	5 tuổi	Lưu Danh Huy	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
3	Trịnh Hà Linh	3/6/2020	5 tuổi	Phạm Thị Thương	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
4	Lê Anh Duy	12/21/2020	5 tuổi	Lê Hồng Đức	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
5	Trịnh Gia Bảo	9/22/2020	5 tuổi	Trịnh Văn Thắng	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
6	Lương Đăng Khải An	8/29/2020	5 tuổi	Lương Đăng Sĩ	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
7	Trần Gia Khánh	5/14/2020	5 tuổi	Trần Văn Thi	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
8	Đỗ Xuân Phú	1/24/2020	5 tuổi	Đỗ Xuân Vương	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
9	Nguyễn Phúc Thiện	4/24/2020	5 tuổi	Dương Tuyết Mai	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
10	Trịnh Tuấn Dũng	4/20/2021	3-4 tuổi	Trịnh Văn Vinh	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
11	Phạm Minh Châu	5/17/2021	3-4 tuổi	Phạm Văn Tùng	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
12	Trịnh Đức Thắng	2/13/2021	3-4 tuổi	Nguyễn Thị Lâm	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
13	Vũ Nhật Minh	3/4/2022	3-4 tuổi	Vũ Trường Giang	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	



14	Đỗ Trần Thanh Như	9/19/2021	3-4 tuổi	Đỗ Văn Tuấn	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
15	Đỗ Trung Quân	8/3/2021	3-4 tuổi	Nguyễn T.Thu Ngân	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
16	Lê Huy Dương	1/3/2021	3-4 tuổi	Lê Văn Duy	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
17	Nguyễn Nam Phong	8/18/2021	3-4 tuổi	Lương Thị Hường	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
18	Nguyễn Quang Anh	12/8/2022	3-4 tuổi	Vũ Thị Mỹ Linh	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
19	Đỗ Hoàng Minh	12/7/2021	3-4 tuổi	Phạm Thị Hồng Vân	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
20	Lê Em My	6/3/2023	Nhà trẻ	Lê Hồng Đức	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
21	Vũ Thanh Tùng	6/3/2023	Nhà trẻ	Bùi Thị Chinh	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
22	Trịnh Gia Hân	2/5/2024	Nhà trẻ	Trịnh Văn Vinh	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
23	Vũ Nhật Long	2/9/2024	Nhà trẻ	Vũ Trường Giang	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
24	Đỗ Nhật Khang	7/31/2024	Nhà trẻ	Đỗ Văn Tuấn	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
25	Đàm Xuân Thịnh	11/23/2023	Nhà trẻ	Vũ Thị Quỳnh	150	4	600	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức	
3 Lớp MN Độc lập Hoa Sen							9,600		
1	Bùi Quỳnh Như	14/3/2022	MG	Trần Thị Hà	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
2	Ngô Bảo Hân	16/9/2022	MG	Ngô Tiến Mạnh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
3	Vũ Trung Đức	3/1/2021	MG	Vũ Thị Hải	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
4	Lương Đăng Nhật	9/10/2021	MG	Lương Đăng Sáu	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
5	Phạm Hoàng Anh	11/10/2021	MG	Phạm Mạnh Dũng	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
6	Nguyễn Nhật Minh	20/11/2021	MG	Nguyễn Xuân Trường	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
7	Nguyễn Ánh Chi	27/10/2022	MG	Nguyễn Đình Lập	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
8	Nguyễn Thanh Chúc	27/3/2023	NT	Nguyễn Thị Minh Huệ	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
9	Trần Gia Hiếu	31/1/2023	NT	Trần Văn Thi	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
10	Nguyễn Phúc Khang	25/11/2023	NT	Nguyễn Văn Toàn	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
11	Nguyễn Xuân Phúc	5/2/2023	NT	Bùi Thị Phương	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
12	Vũ Trần Ngọc Diệp	8/3/2024	NT	Trần Thị Thu Ngọc	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
13	Trịnh Xuân Mạnh	14/8/2023	NT	Nguyễn Thị Thùy Trang	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
14	Lương Thế Nam	10/12/2023	NT	Lương Xuân Hưng	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
15	Nguyễn Bá Phúc	31/3/2023	NT	Nguyễn Bá Phòng	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
16	Ngô Bảo An	11/12/2024	NT	Ngô Tiến Mạnh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Hoa Sen	
4 Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2							14 400		
1	Hoàng Minh Thư	27/08/2023	2 tuổi	Hoàng Văn Việt	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
2	Nguyễn Đức Thành	09/03/2023	2 tuổi	Nguyễn Văn Tân	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
3	Trần Bích Diệp	09/01/2023	2 tuổi	Trần Quang Đạt	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
4	Nguyễn Đình Hải Đăng	19/05/2023	2 tuổi	Nguyễn Đình Thư	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
5	Nguyễn Đình Hải Nam	19/05/2023	2 tuổi	Nguyễn Đình Thư	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	

6	Đỗ Vũ Minh Anh	23/01/2024	2 tuổi	Vũ Thị Thanh Tuyền	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
7	Vũ Nam Dương	24/11/2023	2 tuổi	Vũ Bá Tiên	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
8	Phùng Minh Anh	02/02/2022	3 tuổi	Trần Thị Hoa	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
9	Nguyễn Ngọc Hân	27/10/2022	3 tuổi	Hoàng Thị Hồng Vân	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
10	Đào Yến Nhi	05/08/2021	4 tuổi	Trần Thị Lưu Ly	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
11	Đỗ Phương Anh	06/01/2021	4 tuổi	Vũ Thị Thu	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
12	Đỗ Phương Thảo	17/01/2021	4 tuổi	Phạm Thị Mai	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
13	Lê Minh Duy	18/01/2021	4 tuổi	Lê Minh Thanh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
14	Phạm Nguyên Đức	4/5/2022	3 tuổi	Nguyễn Thị Oanh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
15	Phạm Nguyên Khang	12/12/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Oanh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
16	Phạm Nguyên Vũ	12/12/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Oanh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
17	Nguyễn Nhật Minh	09/03/2021	4 tuổi	Nguyễn Văn Nhát	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
18	Bùi Như Quỳnh	01/05/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Thoa	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
19	Lê Đăng Khôi	05/01/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Vân Anh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
20	Vũ Thu Huệ	12/12/2020	5 tuổi	Vũ Quang Chiến	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
21	Nguyễn Gia Huy	01/01/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Chinh	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
22	Nguyễn Mạnh Cường	20/04/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Nga	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
23	Trần Trâm Anh	18/02/2020	5 tuổi	Nguyễn Thị Kim Dung	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	
24	Ngô Sĩ Hùng	8/15/2020	5 tuổi	Ngô Sỹ Tiên	150	4	600	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2	

Bảng chữ: Bốn mươi hai triệu đồng chẵn/.



**DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY CON CÔNG NHÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC
HƯỞNG TRỢ CẤP THEO NĐ 105/2020/NĐ-CP (KÌ I NĂM HỌC 2025-2026)**

(Kèm theo Tờ trình số : /TTr-VHXXH ngày tháng 12 năm 2025 của Phòng VHXXH xã An Khánh)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Dạy tại nhóm lớp	Tổng số trẻ trong nhóm lớp	Số trẻ là con công nhân trong nhóm lớp	Mức tiền được hưởng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ	Là giáo viên của cơ sở nhóm lớp tư thực
1	Đoàn Thị Liên	1/1/1984	Cao Đẳng SP	Lớp ghép NT	13	5	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc Lập Tom and Jerry
2	Đinh Thuý Tần	12/2/1989	CĐSP Mầm non	5 tuổi	30	9	1,000	4	4,000	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức
3	Phạm Thị Ngọc	9/8/1994	CĐSP Mầm non	5 tuổi	30	9	1,000	4	4,000	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức
4	Đinh Thị Tài Linh	10/19/1994	ĐHSP Mầm non	3-4 tuổi	25	10	1,000	4	4,000	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức
5	Trần Thị Thanh	11/5/1999	CĐSP Mầm non	3-4 tuổi	25	10	1,000	4	4,000	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức
6	Bùi Thị Chiện	12/23/1982	ĐHSP Mầm non	Nhà trẻ	15	6	1,000	4	4,000	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức
7	Nguyễn Thị Thanh Mai	2/8/2003	ĐHSP Mầm non	Nhà trẻ	15	6	1,000	4	4,000	Lớp MNĐL Sơn Ca Mỹ Đức
8	Trịnh Ngọc Mai	17/9/1992	CĐSP	NT	18	9	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Hoa Sen
9	Trịnh Mai Hương	27/11/1991	CĐSP	MG	18	7	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Hoa Sen
10	Đào Thị Ngọc	4/12/1996	CĐMN	Nhà trẻ	15	8	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2
11	Mai Thị Lượ	15/8/1960	ĐHMN	Nhà trẻ	15	8	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2
12	Nguyễn Thị Y Mai	9/19/1992	ĐHMN	3-4 Tuổi	14	6	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2
13	Trương Thị Hà	6/2/1994	ĐHMN	5 Tuổi	21	8	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2
14	Trịnh Thị Quỳnh	4/8/1985	ĐHMN	5 Tuổi	21	8	1,000	4	4,000	Lớp MN Độc lập Bảo Ngọc 2
	Tổng cộng								56,000	

Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu đồng chẵn/.

